

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
TP CẦN THƠ**

Bản án số: 180/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 25-7-2019

V/v Ly hôn giữa chị N và anh T

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ - THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Phụng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Xuân Quỳ

2. Bà Nguyễn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Phi Liễu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Phụng - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2019 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, nghĩa vụ chung. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2019/QĐXX-ST ngày 03 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Kim N, sinh năm 1989; Trú tại: Ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Trí T, sinh năm 1989; Trú tại: Ấp T, thị trấn C, huyện C, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Từ Thị T, sinh năm 1968; Trú tại: Ấp T, thị trấn C, huyện C, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Trần Thị Kim N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào khoảng năm 2016, do quen biết, tìm hiểu được sự đồng ý của gia đình hai bên, chị và anh Nguyễn Trí T tự nguyện tiến đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là tính tình vợ chồng không hợp dẫn đến nhiều lần cự cãi nhau và anh T không quan tâm đến vợ con. Từ đó, mâu thuẫn tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được nên chị N đã bỏ về nhà

cha mẹ ruột sống ly thân từ tháng 11/2018 cho đến nay. Nay chị N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung: Cháu Nguyễn Ngọc Minh C, sinh ngày 18/02/2017, hiện cháu đang chung sống với chị N. Chị N yêu cầu được giành quyền nuôi cháu đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng có 100 chỉ vàng 24k. Chị N đang quản lý 10 chỉ vàng 24 k, bà Từ Thị T (mẹ chồng) quản lý 90 chỉ vàng 24k. Khi ly hôn, chị N yêu cầu bà T trả lại 90 chỉ vàng 24 k để chia đôi số vàng với anh T. Tại phiên tòa, chị N, anh T và Thu thỏa thuận giải quyết xong về tài sản chung, chị N xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung.

Về nghĩa vụ chung: Không có.

Tại tờ tự khai và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Nguyễn Trí T trình bày: Anh T thống nhất lời trình bày của chị N về quan hệ hôn nhân, con chung, nghĩa vụ chung, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn dẫn đến ly thân, thời gian sống ly thân. Qua yêu cầu xin ly hôn của chị N thì anh T đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh T yêu cầu được giành quyền nuôi Cháu C đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh T và chị N đã thỏa thuận giải quyết xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung: Không có.

Tại tờ tự khai và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Từ Thị T trình bày:

Bà thống nhất lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn, trước đây vợ chồng anh T, chị N có giao cho bà quản lý 90 chỉ vàng 24k. Tại phiên tòa, vợ chồng anh T, chị N thuận tình ly hôn và thỏa thuận giải quyết về việc chia tài sản chung. Bà đã giao lại cho vợ chồng anh T số vàng trên và đã thỏa thuận giải quyết xong. Nay bà không có ý kiến và yêu cầu gì.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận chị Trần Thị Kim N và anh Nguyễn Trí T thống nhất thuận tình ly hôn.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Minh C, sinh ngày 18/02/2017 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Đình chỉ về việc yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn, do nguyên đơn rút yêu cầu. Các đương sự đã thỏa thuận giải quyết xong nên không xem xét giải quyết.

Về nghĩa vụ chung: Chị N và anh T xác định không có.

Về án phí Hôn nhân và gia đình: Chị N phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thì tranh chấp giữa các bên được xác định là tranh chấp về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, nghĩa vụ chung. Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Hôn nhân của chị N và anh T được xác lập trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng thừa nhận thời gian đầu chung sống tình cảm vợ chồng rất hạnh phúc nhưng thời gian gần đây phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp dẫn đến nhiều lần cự cãi nhau. Vào tháng 10/2018, chị N đã nộp đơn khởi kiện xin ly hôn với anh T và được Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ thụ lý giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, chị N rút đơn khởi kiện cho vợ chồng một thời gian để hàn gắn tình cảm và được Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ ra Quyết định số 01/2019/QĐST-HNGĐ ngày 09/01/2019 về việc đình chỉ giải quyết vụ án. Từ khi Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án cho đến nay vợ chồng không có biện pháp hàn gắn. Khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án lại cũng tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không đạt kết quả. Tại phiên tòa, chị N cương quyết xin ly hôn vì xác định tình cảm vợ chồng thật sự không còn, không thể tiếp tục chung sống với anh T, anh T đồng ý ly hôn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015, công nhận chị N và anh T thuận tình ly hôn.

[2.2] *Về nuôi con chung:* Có 01 con chung: Cháu Nguyễn Ngọc Minh C, sinh ngày 18/02/2017. Khi ly hôn, chị N và anh T đều có nguyện vọng được nuôi Cháu C đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy: Cháu C là cháu gái, còn rất nhỏ, rất cần sự chăm sóc của chị N. Từ lúc sống ly thân đến nay, anh T không quan tâm chăm sóc, giáo dục con chung. Hiện chị N cũng có công việc, thu nhập ổn định và trực tiếp chăm sóc cho cháu đầy đủ về vật chất lẫn tinh thần nên để đảm bảo việc phát triển bình thường về mặt tâm lý cũng như tiện bề chăm sóc cháu được thuận lợi. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao Cháu C cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] *Tài sản chung*: Tại phiên tòa, chị N, anh T và bà T thống nhất thỏa thuận giải quyết xong. Chị N đã rút yêu cầu chia tài sản chung, căn cứ vào Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ yêu cầu chia tài sản của chị N.

[2.4] *Nghĩa vụ chung*: Chị N và anh T xác định không có.

[3] *Án phí*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Nguyên đơn chị N phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

[4] Từ những căn cứ trên, việc Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 217, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn chị Trần Thị Kim N và anh Nguyễn Trí T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Minh C, sinh ngày 18/02/2017 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh T, không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên, anh T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Nếu có thì chị N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của anh T.

Vì lợi ích mọi mặt của con khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

3. Về chia tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị Trần Thị Kim N đối với anh Nguyễn Trí T về việc yêu cầu chia đôi 100 chỉ vàng 24k, do chị N rút yêu cầu để vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết. Các đương sự đã thỏa thuận giải quyết xong nên không xem xét giải quyết.

4. Về nghĩa vụ chung: Chị N và anh T xác định không có.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị Kim N phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tạm

ứng án phí 4.675.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 001503 và số 001504 cùng ngày 19 tháng 4 năm 2019. Chị N được nhận số tiền 4.375.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

7. Án tuyên công khai, có mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TANDTPCT;
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- UBND xã Thới Xuân;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Minh Phụng